

2. Giá bán một mét khối xi trắng : 2đ10 (hai đồng một hào).

Điều 2. — Xi giao cho khách hàng tại địa điểm bán của nhà máy, phí bốc rót lên phương tiện của khách hàng do nhà máy chịu.

Điều 3. — Quyết định này áp dụng từ ngày 1-1-1972 ; những giá trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 7 tháng 12 năm 1971

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá Nhà nước

Phó chủ nhiệm

LÊ TRUNG TOÀN

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

QUYẾT ĐỊNH số 136-PPCĐ/TK ngày 10-7-1971 ban hành bản quy định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức quý, 6 tháng, 9 tháng, năm về vật tư kỹ thuật.

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ nghị định số 131 - CP ngày 29-9-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê ;

Căn cứ nghị định số 27 - CP ngày 22-2-1962 của Hội đồng Chính phủ quy định các nguyên tắc về việc lập và ban hành các chế độ biểu mẫu báo cáo thống kê và phương án điều tra,

Căn cứ quyết định số 168 - TTg ngày 17-9-1970 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức ;

Sau khi trao đổi ý kiến thống nhất với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Văn phòng Phủ Thủ tướng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành bản quy định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức quý, 6 tháng, 9 tháng, năm về vật tư kỹ thuật gồm 18 biểu, áp dụng cho các Bộ, các ngành có tổ chức cung ứng và sử dụng vật tư kỹ thuật.

Điều 2. — Bản quy định cụ thể này thi hành từ ngày ký. Trong năm 1971, các báo cáo 9 tháng và năm phải lấy số liệu từ đầu năm theo hệ thống biểu mẫu báo cáo này. Các quy định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về vật tư kỹ thuật áp dụng cho

các Bộ, các ngành do Tổng cục Thống kê ban hành theo văn bản số 1230-TK/VT ngày 1-12-1961 không còn hiệu lực.

Điều 3. — Các ông Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ có tổ chức cung ứng, sử dụng vật tư, kỹ thuật chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này.

Hà-nội, ngày 10 tháng 7 năm 1971

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG

BẢN QUY ĐỊNH CỤ THỂ

hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về vật tư kỹ thuật áp dụng cho các Bộ, các ngành ở trung ương.

(Ban hành kèm theo quyết định số 136-PPCĐ/TK ngày 10-7-1971 của Tổng cục Thống kê).

Phần thứ nhất

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG VÀ TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

1. Các Bộ, các ngành không được tự tiện thay đổi nội dung kết cấu của biểu mẫu, phương pháp tính toán và cách ghi báo cáo chi tiêu đã được quy định trong văn bản này. Trong khi thi hành, nếu có vấn đề gì xét thấy chưa hợp lý, các Bộ, các ngành báo cáo cho Tổng cục Thống kê biết bằng văn bản và nêu rõ ý kiến đề nghị giải quyết của Bộ, ngành mình. Khi chưa có quyết định bổ sung của Tổng cục Thống kê, các Bộ, các ngành vẫn phải làm đúng theo bản quy định này.

2. Đề đảm bảo yêu cầu tổng hợp, kiểm tra, phân tích, so sánh số liệu, các Bộ, các ngành phải gửi đầy đủ các báo cáo đã quy định cho Bộ, ngành mình ; phải thực hiện đúng kỳ báo cáo và gửi báo cáo đến Tổng cục Thống kê đúng ngày nhận đã quy định. Khi cần điều chỉnh số liệu trong những báo cáo thống kê đã gửi thì phải có văn bản nói rõ số liệu cần điều chỉnh và lý do điều chỉnh.

3. Ông Vụ trưởng Vụ thống kê vật tư kỹ thuật có trách nhiệm giúp Tổng cục phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các Bộ, các ngành thực hiện bản quy định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức này.

Phần thứ hai

HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ

Số thứ tự	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo	
				Quý, 6 tháng, 9 tháng	Năm
1	2	3	4	5	6
1	01-VT/TW	Mạng lưới cung ứng vật tư kỹ thuật có đến ngày 31-12-19..	Năm(1 kỳ)		31 ngày sau khi kết thúc năm
2	02-VT/TW	Nhà kho, bãi của các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật có đến ngày 31-12-19...	-nt-		- nt -
3	03-VT/TW	Thiết bị máy móc phục vụ kinh doanh của các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật có đến ngày 31-12-19...	-nt-		- nt -
4	04-VT/TW	Lao động và tiền lương trong danh sách của các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật.	Quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm (4 kỳ)	25 ngày sau khi kết thúc quý	- nt -
5	05-VT/TW	Sử dụng thời gian lao động của nhân viên trực tiếp cung ứng vật tư kỹ thuật	-nt-	- nt -	- nt -
6	06-VT/TW	Năng suất lao động của nhân viên cung ứng vật tư kỹ thuật	Quý I, 6 tháng, 9 tháng năm (4 kỳ)	25 ngày sau khi kết thúc quý	31 ngày sau khi kết thúc năm
7	07-VT/TW	Cung ứng vật tư kỹ thuật cho các đơn vị sử dụng	-nt-	- nt -	35 ngày sau khi kết thúc năm
8	08-VT/TW	Phân phối vật tư kỹ thuật	Quý I, 6 tháng 9 tháng, năm (4 kỳ)	25 ngày sau khi kết thúc quý	35 ngày sau khi kết thúc năm
9	09-VT/TW	Nhập vật tư kỹ thuật để cung ứng của đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật	-nt-	-nt-	-nt-
10	10-VT/TW	Tồn kho, vật tư kỹ thuật của đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật có đến cuối kỳ báo cáo	-nt-	-nt-	-nt-
11	11-VT/TW	Nhập, xuất, tồn kho nguyên, nhiên vật liệu của các đơn vị sử dụng	-nt-	-nt-	40 ngày sau khi kết thúc năm
12	12-VT/TW	Thực hiện định mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu, điện lực	-nt-	-nt-	-nt-
13	13-VT/TW	Nhập, xuất, tồn kho phế liệu, phế phẩm	-nt-	-nt-	-nt-
14	14-VT/TW	Chi phí lưu thông cung ứng vật tư kỹ thuật	6 tháng, năm (2 kỳ)	25 ngày sau khi kết thúc 6 tháng	- nt -
15	15-VT/TW	Tồn kho nguyên, nhiên, vật liệu thuộc hàng lẻ có đến 0 giờ ngày 1-1-19...	Năm (1 kỳ)		40 ngày sau thời điểm kiểm kê
16	16-VT/TW	Tồn kho thiết bị, máy móc thuộc hàng lẻ có đến 0 giờ ngày 1-1-19...	- nt -		- nt -

1	2	3	4	5	6
17	17-VT/TW	Tồn kho nguyên, nhiên, vật liệu thuộc thiết bị toàn bộ có đến 0 giờ ngày 1-1-19...	Năm (1 kỳ)		40 ngày sau thời điểm kiểm kê
18	18-VT/TW	Tồn kho thiết bị, máy móc thuộc thiết bị toàn bộ có đến 0 giờ ngày 1-1-19...	— nt —		— nt —

Ghi chú : Kèm theo bản quy định này có 1 tập biểu mẫu thống kê cụ thể và 1 tập giải thích các biểu mẫu đó (riêng 2 biểu : nhập, xuất, tồn kho và tiêu thụ sản phẩm là tư liệu sản xuất đã thống nhất ban hành trong hệ thống biểu thống kê công nghiệp, nên không có trong tập biểu mẫu này) (*)

Hà-nội, ngày 10 tháng 7 năm 1971
 Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê
 NGUYỄN ĐỨC DUONG

QUYẾT ĐỊNH số 236 - PPCĐ/TK ngày 6-12-1971 ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê thiệt hại về lũ, lụt.

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ nghị định số 131-CP ngày 29-9-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê ;

Căn cứ nghị định số 27-CP ngày 22-2-1962 của Hội đồng Chính phủ quy định các nguyên tắc về việc lập và ban hành các chế độ biểu mẫu báo cáo thống kê và phương án điều tra ;

Căn cứ quyết định số 241-TTg ngày 1-1-1971 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ thống kê và báo cáo thống kê những thiệt hại do lũ, lụt hàng năm gây ra,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành bản quy định cụ thể biểu mẫu báo cáo thống kê thiệt hại về lũ, lụt áp dụng cho các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các đoàn thể trung ương và các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 2. — Hàng năm nơi, nào xảy ra lũ, lụt có gây ra thiệt hại thì căn cứ vào biểu mẫu trong bản quy định cụ thể này làm báo cáo gửi Tổng cục Thống kê đề Tổng cục Thống kê tổng hợp báo cáo lên Hội đồng Chính phủ.

Những thiệt hại về lũ, lụt xảy ra trong trận lụt tháng 8 và tháng 9 năm 1971 phải được thống kê và đánh giá lại theo biểu mẫu báo cáo này.

Các biểu mẫu và giải thích tính toán các chỉ tiêu thiệt hại về lũ, lụt do Tổng cục Thống kê tạm thời ban hành theo công văn số 777-TCTK/TH ngày 27-8-1971, số 780-TCTK/TH ngày 28-8-1971 và số 924-TCTK/TH ngày 28-9-1971 nay không còn hiệu lực.

Điều 3. — Các ông Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các đoàn thể trung ương và các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này.

Hà-nội, ngày 6 tháng 12 năm 1971
 Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê
 NGUYỄN ĐỨC DUONG

BẢN QUY ĐỊNH CỤ THỂ

biểu mẫu báo cáo thống kê thiệt hại về lũ, lụt áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các đoàn thể trung ương và các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(Ban hành kèm theo quyết định số 236 - PPCĐ/TCTK ngày 6-12-1971 của Tổng cục Thống kê).

Phần thứ nhất

NỘI DUNG BIỂU MẪU

Phần A: Dân cư và đơn vị bị ngập lụt.

Phần B : Tình hình thiệt hại về tài sản (chia theo ngành kinh tế quốc dân và thành phần kinh tế).

(Kèm theo có biểu mẫu báo cáo thống kê cụ thể và bản giải thích cách ghi báo, tính toán các chỉ tiêu trong biểu mẫu đó)(*)

* Không in trong công báo.

09672633
 Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com